TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **74/**2025/QĐST-DS	*An Giang, ngày 03 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH AN GIANG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 06/2025/TLS-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đặng Đức M**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 7, ấp KTh, xã H, tỉnh AG.

Bị đơn: Ông **Nguyễn UE**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp TĐ, xã H, tỉnh AG.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Thị Kiều M**, sinh năm 1968.

2/ Ông **Nguyễn Thái B**, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Ấp TĐ, xã H, tỉnh AG.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Quá trình giải quyết vụ kiện ông Đặng Đức M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Thái B chỉ yêu cầu ông Nguyễn UE trả số nợ 217.025.000 đồng. Do vậy đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông M đối ông Nguyễn Thái B.

Ý kiến của ông Nguyễn UE và bà Nguyễn Thị Kiều M trình bày:

Về số nợ: Ông UE và bà M thừa nhận còn nợ số tiền mua vật tư nông nghiệp của ông Đặng Đức M 217.025.000 đồng (trong đó nợ gốc 117.025.000 đồng và tiền lãi 46.000.000 đồng). Thừa nhận chữ ký và chữ viết trong Giấy thỏa thuận, đề ngày 07/11/2019 và Bảng số tính tiền viết tay, đề ngày 01/4/2020 mà phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn UE.

Về cách trả nợ: Ông Nguyễn UE và bà Nguyễn Thị Kiều M cam kết trả nợ theo thời gian và phương thức như sau:

+ Lần 01: Ngày 25/9/2025 (dương lịch) sẽ trả số tiền 108.525.000 đồng.

+ Lần 02: Ngày 25/3/2026 (dương lịch) sẽ trả số tiền 54.250.000 đồng.

+ Lần 03: Ngày 25/9/2026 (dương lịch) sẽ trả số tiền 54.250.000 đồng.

Trường hợp ông UE và bà M có vi phạm một kỳ trả nợ thì ông Đặng Đức M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền buộc ông UE và bà M phải trả một lần hết số nợ.

Nguyên đơn ông Đặng Đức M thống nhất với thời gian và phương thức trả nợ mà phía ông UE và bà M trình bày và không có ý kiến gì khác.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thì hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí DSST là 5.425.626 đồng mỗi bên phải chịu ½. Nguyên đơn ông Đặng Đức M phải chịu án phí sơ thẩm dân sự hòa giải thành là 2.712.813 đồng (Hai triệu bảy trăm mười hai nghìn tám mười ba đồng). được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.275.625 đồng (Bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí số 0016220 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh AG, theo đó ông M được trả lại số tiền là 1.562.812 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm mười hai đồng).

Bị đơn ông Nguyễn UE và bà Nguyễn Thị Kiều M phải liên đới chịu án phí là 2.712.812 đồng (Hai triệu bảy trăm mười hai nghìn tám mười hai đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV8 – AG;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thủy